

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH
TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC



THÔNG BÁO

**Lịch sát hạch, Số báo danh thí sinh dự sát hạch
tiếp nhận vào làm viên chức năm 2025**

(Đối với giáo viên mầm non đang hợp đồng lao động
theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)

1. Lịch sát hạch: Ngày 11/01/2026 (Chủ nhật).

- **Địa điểm:** Trường THPT Chuyên Bắc Giang.

- **Thời gian:** Buổi sáng: bắt đầu từ 07 giờ 30 phút.

Thí sinh vào địa điểm sát hạch qua Công đường Đào Sư Tích (có sơ đồ phòng thi kèm theo).

***Lưu ý:**

- Thí sinh mang theo Căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh và thông tin cá nhân để giám thị đối chiếu trước khi vào phòng sát hạch.

- Bài làm chỉ được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen.

- **Cấm mang vào khu vực sát hạch** (bắt đầu từ sân trường) thiết bị điện tử, thu phát truyền tin, bao gồm điện thoại di động, các đồ dùng cá nhân...; chỉ được mang vào phòng sát hạch vật dụng theo Nội quy phòng sát hạch; thí sinh tự bảo quản đồ dùng cá nhân.

2. Số báo danh dự sát hạch, cụ thể như sau:

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Trường hợp có sai sót về thông tin như: họ tên, ngày sinh, trình độ, xếp loại tốt nghiệp, điểm tốt nghiệp...thí sinh thông tin để giám thị sửa trực tiếp vào danh sách gọi thí sinh vào phòng sát hạch./.

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0001	Hoàng Thị An	18/11/1990	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	7,71	
2	0002	Đoàn Thị An	24/02/1989	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	TB	2,47	
3	0003	Lê Thị Thúy An	10/08/1992	Nữ	Trường Mầm non Hoa Hồng	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	2,82	
4	0004	Ngô Thị Anh	26/9/1995	Nữ	Trường Mầm non Phi Điện	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Giỏi	3,31	
5	0005	Bùi Hồng Anh	21/03/1996	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bảo Đài	Cao đẳng	Giỏi	7,95	
6	0006	Nguyễn Thị Lan Anh	21/11/1991	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	TBK	6,51	
7	0007	Nguyễn Thị Anh	05/10/1996	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Đại học	Khá	2,82	
8	0008	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/02/1997	Nữ	Trường MN Hồng Thái	Phường Việt Yên	Cao đẳng	Khá	2,98	
9	0009	Giáp Thị Vân Anh	28/04/1996	Nữ	MN Cao Xá	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	8,18	
10	0010	Mã Thị Ngọc Anh	04/04/1997	Nữ	MN Đồng Tiến	Xuân Lương	Đại học	Giỏi	3,47	
11	0011	Đỗ Thị Ánh	16/07/1996	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phường son	Đại học	Khá	3,17	
12	0012	Nguyễn Thị Ân	28/02/1990	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Giỏi	3,34	
13	0013	Nguyễn Thị Bắc	21/12/1987	Nữ	MN Lương Phong số 2	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Giỏi	8,02	
14	0014	Lục Thị Bé	28/03/1991	Nữ	Trường MN Đông Hưng	Đông Phú	Đại học	Khá	3,17	
15	0015	Đào Thị Bích	10/01/1992	Nữ	MN Quang Thịnh	Xã Kép	Cao đẳng	Xuất sắc	3,63	
16	0016	Phạm Thị Bích	28/02/1991	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Đại học	Giỏi	3,25	
17	0017	Lê Thị Bích	15/01/1996	Nữ	MN Mai Đình	Xuân Cầm	Cao đẳng	Giỏi	3,25	
18	0018	Lê Thị Cúc	23/03/1985	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,86	
19	0019	Dương Thị Cúc	19/09/1989	Nữ	MN Đại Lâm	Tân Dĩnh	Đại học	Khá	2,71	
20	0020	Hoàng Thị Kim Cúc	09/02/1987	Nữ	Trường MN Liên Chung	Phúc Hoà	Cao đẳng	Khá	7,88	
21	0021	Nguyễn Thị Hường	29/06/1995	Nữ	MN Ngọc Vân	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3,32	
22	0022	Dương Thị Châm	25/9/1992	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Đại học	Giỏi	3,33	
23	0023	Ngọc Thị Chi	27/10/1991	Nữ	Trường MN Thanh Hải số 2	Phường Chũ	Cao đẳng	Khá	3,17	
24	0024	Kiều Thị Chiêm	07/10/1981	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cầm	Cao đẳng	Khá	7,68	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
 (GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0025	Hoàng Thị Chiêm	25/05/1988	Nữ	MN Hoàng Hoa Thám	xã Yên Thế	Cao đẳng	Giỏi	8,06	
2	0026	Cao Thị Chiên	21/01/1993	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	3,14	
3	0027	Nguyễn Thị Chinh	25/9/1994	Nữ	MN Đan Hội	Cầm Lý	Đại học	Giỏi	3,32	
4	0028	Hoàng Thị Chinh	13/07/1996	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	2,92	
5	0029	Nguyễn Thị Chinh	21/11/1996	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	3,19	
6	0030	Nguyễn Thị Chinh	20/01/1994	Nữ	Trường MN Phúc Hoà	Phúc Hoà	Đại học	Khá	3,07	
7	0031	Nguyễn Thị Chinh	22/10/1994	Nữ	MN Thái Sơn	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	3,07	
8	0032	Nguyễn Thị Chinh	10/06/1993	Nữ	Trường MN Đông Vương	Đông Kỳ	Đại học	Giỏi	3,27	
9	0033	Nguyễn Thị Diễm	04/12/1995	Nữ	Trường MN Thanh Hải số 1	Phường Chũ	Đại học	TBK	6,58	
10	0034	Vũ Thị Diễm	01/07/1996	Nữ	MN Ngọc Lý	Tân Yên	Đại học	Khá	2,71	
11	0035	Nguyễn Thị Diện	01/7/1994	Nữ	Trường MN Tiên Nha	Lục Nam	Đại học	Giỏi	3,26	
12	0036	Đoàn Thị Diện	19/05/1986	Nữ	MN Hương Mai	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	7,53	
13	0037	Nguyễn Thị Hồng Diệp	15/10/1994	Nữ	MN Tân Dĩnh	Tân Dĩnh	Đại học	TBK	6,59	
14	0038	Trần Huyền Diệu	02/02/1995	Nữ	Trường MN Hồng Giang	Phường Chũ	Cao đẳng	Khá	2,69	
15	0039	Đỗ Thị Kim Dung	23/08/1991	Nữ	Trường MN số 2	Phường Phụng sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,23	
16	0040	Hà Phương Dung	13/11/1993	Nữ	MN Quang Thịnh	Xã kếp	Cao đẳng	Khá	3,10	
17	0041	Phùng Thị Dung	12/03/1994	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cầm	Cao đẳng	Giỏi	3,44	
18	0042	Giáp Thị Dung	10/06/1982	Nữ	MN Việt Lập	Tân Yên	Đại học	Khá	3,04	
19	0043	Lăng Thị Duyên	23/05/1994	Nữ	MN Biên Sơn	Biên Sơn	Đại học	Khá	3,06	
20	0044	Phạm Thị Duyên	24/12/1985	Nữ	Trường MN Chu Điện	Lục Nam	Cao đẳng	Giỏi	3,28	
21	0045	Bùi Thị Duyên	08/01/1992	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,62	
22	0046	Hà Thị Duyên	05/06/1993	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	3,11	
23	0047	Phan Thị Duyên	24/08/1991	Nữ	Trường MN Đồng Phúc	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	2,68	
24	0048	Lăng Thị Dự	23/01/1992	Nữ	MN Phong Vân	Biên Sơn	Cao đẳng	Xuất sắc	3,85	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0049	Nguyễn Thị Đại	24/6/1990	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cẩm	Cao đẳng	Giỏi	3,25	
2	0050	Vũ Thị Bích Đào	21/07/1979	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phụng Sơn	Đại học	Khá	3,03	
3	0051	Đỗ Thị Điệp	26/10/1988	Nữ	MN Đoàn Bái số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	3,14	
4	0052	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	05/8/1994	Nữ	MN Xuân Lương	Xuân Lương	Cao đẳng	Giỏi	8,06	
5	0053	Lê Thị Định	20/09/1993	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,70	
6	0054	Trần Thị Đoàn	18/02/1990	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Giỏi	3,54	
7	0055	Nguyễn Thị Giang	25/02/1995	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3,24	
8	0056	Mai Thị Giang	20/05/1987	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Đại học	TBK	6,21	
9	0057	Nguyễn Thị Giang	23/09/1985	Nữ	Trường MN Đức Giang	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	7,06	
10	0058	Trần My Giang	11/9/1996	Nữ	MN Đồng Tiến	Xuân Lương	Cao đẳng	Khá	7,91	
11	0059	Hoàng Thị Hà	05/06/1994	Nữ	Trường Mầm non Hoa Sữa	Sơn Động	Cao đẳng	Giỏi	8,05	
12	0060	Ngô Thu Hà	05/05/1995	Nữ	Trường mầm non Đồng Cốc	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	2,96	
13	0061	Phạm Thị Hà	05/3/1990	Nữ	Trường MN Ngọc Thiện số 1	Ngọc Thiện	Cao đẳng	Giỏi	8,01	
14	0062	Nguyễn Thị Hà	19/05/1985	Nữ	MN Lương Phong số 1	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,92	
15	0063	Đặng Thị Thu Hà	10/11/1995	Nữ	MN Hoàng Lương	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	TBK	6,96	
16	0064	Trần Thị Hà	24/06/1986	Nữ	Trường MN Hồng Thái	Phường Việt Yên	Cao đẳng	Khá	7,48	
17	0065	Trần Thị Hà	06/03/1993	Nữ	MN Nénh	Phường Nénh	Đại học	giỏi	3,33	
18	0066	Nguyễn Thu Hà	12/11/1997	Nữ	Trường Mầm non Ngô Quyền	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	2,62	
19	0067	Dương Mỹ Hải	22/09/1986	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,80	
20	0068	Hoàng Thị Hải	15/08/1984	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	TBK	6,74	
21	0069	Lê Thị Hồng Hạnh	04/08/1995	Nữ	MN Hoàng Thanh	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	3,10	
22	0070	Vi Thị Hạnh	10/09/1989	Nữ	MN Tân Yên	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	8,37	
23	0071	Hoàng Thị Hạnh	20/06/1984	Nữ	Trường MN Đồng Vương	Đồng Kỳ	Cao đẳng	Giỏi	8,41	
24	0072	Nguyễn Bích Hào	23/03/1995	Nữ	MN Hoàng Ninh	Phường Nénh	Đại học	Giỏi	3,33	

DANH SÁCH SƠ BẢO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
(GIAO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0073	Trần Thị Hằng	01/02/1990	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,70	
2	0074	Phan Thị Bích Hằng	16/09/1996	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,89	
3	0075	Lương Thị Hằng	20/03/1994	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,94	
4	0076	Nguyễn Kim Hằng	30/10/1992	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	Giỏi	3,29	
5	0077	Ngô Thị Thu Hằng	02/10/1995	Nữ	MN Tân Dĩnh	Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	2,94	
6	0078	Nguyễn Thị Hằng	06/05/1990	Nữ	MN Hợp Thịnh	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	3,05	
7	0079	Lương Thị Hằng	19/04/1996	Nữ	MN Hoàng Ninh	Phường Nénh	Cao đẳng	Khá	3,13	
8	0080	Vũ Thị Hằng	17/7/1992	Nữ	MN Quảng Minh	Vân Hà	Đại học	Khá	3,04	
9	0081	Hoàng Thị Hằng	12/07/1995	Nữ	Trường Mầm non Tân Mỹ	Đa Mai	Cao đẳng	Khá	3,13	
10	0082	Ngô Thị Thu Hằng	22/08/1996	Nữ	MN Tân Tiến	Tân Tiến	Đại học	Khá	2,96	
11	0083	Vũ Thị Hằng	21/7/1994	Nữ	MN Bồ Hạ	Bồ Hạ	Đại học	TB	2,45	
12	0084	Lê Thị Thu Hằng	24/9/1984	Nữ	MN Đồng Tiến	Xuân Lương	Cao đẳng	TBK	6,96	
13	0085	Nguyễn Ngọc Hậu	05/08/1996	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	7,93	
14	0086	Chu Thị Hậu	05/07/1987	Nữ	Trường MN Tân An số 1	P. Tân An	Cao đẳng	Giỏi	3,29	
15	0087	Nguyễn Thị Hiền	28/10/1989	Nữ	Trường MN Yên Sơn	Bắc Lũng	Cao đẳng	Giỏi	3,23	
16	0088	Hoàng Thị Hiền	22/7/1991	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Giỏi	3,21	
17	0089	Nguyễn Thị Hiền	16/02/1985	Nữ	MN Thái Sơn	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	3,02	
18	0090	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1996	Nữ	MN Hoàng Lương	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	3,17	
19	0091	Chu Thị Hiền	20/10/1986	Nữ	MN Cao Thượng	Tân Yên	Đại học	Khá	3,05	
20	0092	Vũ Thị Hiền	04/05/1994	Nữ	Trường MN Tân Sơn số 1	Tân Sơn	Cao đẳng	Khá	3,01	
21	0093	Nguyễn Thị Hiền	06/07/1983	Nữ	Trường MN Chũ số 2	Phường Chũ	Cao đẳng	Giỏi	3,36	
22	0094	Đặng Thị Hiền	10/04/1995	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	2,69	
23	0095	Hà Thị Hiền	19/07/1988	Nữ	MN Đại Hóa	Quang Trung	Đại học	Giỏi	3,44	
24	0096	Đặng Thị Hiền	18/04/1993	Nữ	MN Đoàn Bái số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	3,00	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0097	Ngô Thị Thu Hiền	01/06/1994	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cầm	Cao đẳng	Khá	7,20	
2	0098	Đoàn Thị Hiền	29/4/1993	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Cao đẳng	TBK	6,95	
3	0099	Vi Thị Hiền	07/01/1994	Nữ	Trường mầm non Sao Mai	P. Bắc Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,23	
4	0100	Trần Thị Hiền	19/09/1993	Nữ	Trường Mầm non Dĩnh Trì	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	7,50	
5	0101	Dương Thị Ngọc Hiền	28/07/1993	Nữ	Trường MN Tân An số 1	P. Tân An	Cao đẳng	Khá	7,41	
6	0102	Tạ Thị Hiền	13/01/1992	Nữ	Trường MN Tân An số 2	P. Tân An	Đại học	TBK	6,45	
7	0103	Nguyễn Thị Hiền	21/07/1986	Nữ	Mầm non Kiên Lao số 2	Kiên Lao	Cao đẳng	Giỏi	3,20	
8	0104	Hoàng Thị Hiền	27/11/1980	Nữ	MN Quảng Minh	Vân Hà	Đại học	Khá	3,11	
9	0105	Trần Thị Hiệp	17/12/1987	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	7,05	
10	0106	Lê Thị Hiếu	01/7/1993	Nữ	MN Tiên Sơn	Vân Hà	Đại học	Khá	3,07	
11	0107	Luyện Minh Hoa	14/12/1994	Nữ	Trường MN Đồi Ngô	Lục Nam	Đại học	Khá	2,64	
12	0108	Nguyễn Thanh Hoa	05/10/1990	Nữ	MN Đại Lâm	Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	7,68	
13	0109	Hán Thị Phương Hoa	18/05/1994	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Đại học	TBK	6,61	
14	0110	Trần Thị Hoa	17/04/1996	Nữ	Trường MN Song Vân	Ngọc Thiện	Cao đẳng	Khá	2,91	
15	0111	Doãn Thị Thanh Hoa	21/7/1993	Nữ	Trường MN Minh Đức	Phường Việt Yên	Đại học	Khá	2,79	
16	0112	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	13/01/1990	Nữ	Trường Mầm non Mỹ Độ	Đa Mai	Cao đẳng	Khá	7,77	
17	0113	Nguyễn Thị Thanh Hoa	04/02/1993	Nữ	MN Hoàng Hoa Thám	xã Yên Thế	Đại học	TBK	6,45	
18	0114	Hoàng Thị Hòa	15/09/1995	Nữ	Trường MN Nghĩa Trung	Phường Việt Yên	Đại học	TBK	6,72	
19	0115	Nguyễn Thị Học	13/07/1991	Nữ	Trường mầm non Nghĩa Phương	Nghĩa Phương	Đại học	Khá	3,18	
20	0116	Phan Thị Học	16/11/1993	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	7,50	
21	0117	Giáp Thị Hồng	15/04/1995	Nữ	Trường MN Yên Sơn	Bắc Lũng	Đại học	TBK	6,87	
22	0118	Dương Thị Hồng	25/09/1993	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cầm	Cao đẳng	Khá	7,62	
23	0119	Nguyễn Thị Hồng	01/12/1990	Nữ	Mầm non Xuân Phú	Tân Tiến	Đại học	Khá	2,55	
24	0120	Nguyễn Thị Huế	07/10/1982	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	7,39	

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA SÁT HẠCH
TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC

PHÒNG SỐ: 6

**DANH SÁCH SƠ BẢO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0121	Hoàng Thị Huệ	18/05/1978	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	TBK	6,40	
2	0122	Nguyễn Thị Huệ	05/3/1986	Nữ	Trường MN Ngọc Châu	Ngọc Thiện	Đại học	Khá	2,73	
3	0123	Nông Thị Huệ	06/10/1983	Nữ	Trường MN Tân Hoa	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Giỏi	3,22	
4	0124	Lê Thị Huệ	04/5/1990	Nữ	Trường mầm non Nghĩa Phương	Nghĩa Phương	Đại học	Khá	3,16	
5	0125	Từ Thị Huệ	15/05/1990	Nữ	Trường mầm non Huyền Sơn	Nghĩa Phương	Cao đẳng	Khá	7,77	
6	0126	Nông Thị Huệ	25/01/1981	Nữ	Trường MN Bảo Sơn	Xã Bảo Đài	Cao đẳng	Xuất sắc	3,68	
7	0127	Tăng Thị Thu Huệ	03/5/1993	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Đại học	TB	2,45	
8	0128	Phạm Thị Huệ	01/5/1986	Nữ	Trường Mầm non An Dương	Nhã Nam	Đại học	Khá	3,10	
9	0129	Nguyễn Thị Huệ	08/07/1988	Nữ	MN Đông Lỗ số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	2,96	
10	0130	Dương Thị Huệ	23/04/1995	Nữ	MN Hoàng An	xã Hoàng Vân	Đại học	Giỏi	3,26	
11	0131	Vũ Thị Huệ	14/04/1995	Nữ	Trường MN Trí Yên	P. Tân An	Đại học	TBK	6,52	
12	0132	Tổng Thị Huệ	20/8/1991	Nữ	MN Canh Nậu	Xuân Lương	Cao đẳng	Giỏi	3,41	
13	0133	Trần Thị Huệ	18/06/1998	Nữ	MN Biên Sơn	Biên Sơn	Cao đẳng	Khá	2,96	
14	0134	Phạm Thị Huệ	29/12/1985	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 1	Trường Sơn	Đại học	TBK	6,61	
15	0135	Bùi Thị Huệ	22/09/1980	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3,36	
16	0136	Nguyễn Thị Huệ	04/11/1994	Nữ	Trường MN Việt Ngọc	Ngọc Thiện	Cao đẳng	Khá	7,80	
17	0137	Đỗ Thị Thanh Huệ	22/03/1987	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Đại học	Xuất sắc	3,78	
18	0138	Nguyễn Thị Bích Huệ	27/09/1995	Nữ	MN thị trấn Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,99	
19	0139	Trần Thị Huệ	26/05/1996	Nữ	MN Đông Lỗ số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	2,82	
20	0140	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	28/08/1996	Nữ	MN Hoàng Vân	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	2,91	
21	0141	Nguyễn Thị Huệ	17/08/1993	Nữ	MN Ngọc Sơn	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	7,7	
22	0142	Nguyễn Thị Huệ	16/12/1987	Nữ	MN Ngọc Sơn	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	2,89	
23	0143	Giáp Thị Huệ	12/04/1993	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Đại học	Khá	3,15	
24	0144	Phan Thị Thu Huệ	23/09/1991	Nữ	Trường MN Đồng Việt	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	7,71	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
(CẤP VIỆN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0145	Trần Thị Huyền	19/04/1985	Nữ	Trường MN Yên Lư	Yên Dũng	Cao đẳng	Khá	7,56	
2	0146	Chu Thị Hương	10/11/1991	Nữ	MN Yên Định	Xã Yên Định	Cao đẳng	Khá	7,26	
3	0147	Phạm Thị Hương	01/05/1995	Nữ	Trường mầm non Đồng Cốc	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	3,13	
4	0148	Đỗ Thị Hương	22/02/1995	Nữ	Trường MN Giáp Sơn	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Giỏi	3,27	
5	0149	Dương Thị Hương	16/08/1994	Nữ	Trường Mầm Non Nam Dương số 1	Nam Dương	Cao đẳng	Giỏi	3,22	
6	0150	Nguyễn Minh Hương	30/11/1995	Nữ	MN Trường Sơn	Trường Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,26	
7	0151	Nguyễn Thị Hương	29/01/1996	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Đại học	Khá	2,90	
8	0152	Giáp Thị Thu Hương	26/12/1994	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Cao đẳng	Giỏi	8,10	
9	0153	Giáp Thị Minh Hương	28/10/1988	Nữ	Trường MN Liên Chung	Phúc Hoà	Đại học	Khá	3,13	
10	0154	Ngô Thị Hương	28/02/1990	Nữ	MN Danh Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,74	
11	0155	Nguyễn Thị Mai Hương	13/05/1997	Nữ	MN Đoàn Bái số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Giỏi	3,32	
12	0156	Ngô Thị Hương	26/6/1986	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cầm	Cao đẳng	Giỏi	3,26	
13	0157	Phạm Thị Hương	23/9/1989	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cầm	Cao đẳng	Giỏi	3,21	
14	0158	Trần Thị Hương	30/12/1996	Nữ	MN Thượng Lan	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	2,87	
15	0159	Nguyễn Thị Liên Hương	06/10/1990	Nữ	MN Quang Châu	Phường Nénh	Cao đẳng	Xuất sắc	3,61	
16	0160	Nguyễn Thị Hương	20/10/1989	Nữ	Trường MN Đức Giang	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	2,89	
17	0161	Nguyễn Thúy Hương	02/11/1995	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	7,48	
18	0162	Nguyễn Thị Hương	01/02/1995	Nữ	MN Hương Mai	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	7,36	
19	0163	Nguyễn Thị Hương	30/07/1987	Nữ	Trường MN Bích Sơn	Phường Việt Yên	Cao đẳng	Khá	3,19	
20	0164	Nguyễn Thị Hữu	08/02/1993	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,12	
21	0165	Lê Thị Kim	04/03/1986	Nữ	Trường MN Đồng Phúc	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	2,77	
22	0166	Bàn Thị Khánh	20/8/1990	Nữ	MN Trường Sơn	Trường Sơn	Đại học	Khá	2,73	
23	0167	Trần Thị Ngọc Khánh	17/08/1993	Nữ	Trường mầm non Huyện Sơn	Nghĩa Phương	Cao đẳng	Khá	7,76	
24	0168	Tạ Thị Lan	21/01/1993	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,27	

DANH SÁCH SƠ BẢO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
***(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0169	Dương Thị Lan	29/11/1995	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,68	
2	0170	Bùi Thị Lan	31/12/1995	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,76	
3	0171	Nguyễn Phương Lan	04/9/1996	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Đại học	Khá	2,76	
4	0172	Nguyễn Thị Lan	04/11/1996	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cẩm	Đại học	TBK	6,45	
5	0173	Lê Thị Lan	10/02/1992	Nữ	MN Tăng Tiến	Phường Nénh	Đại học	Khá	2,91	
6	0174	Nguyễn Thị Lan	26/5/1995	Nữ	Trường MN Lãng Sơn	P. Tân An	Đại học	Khá	2,80	
7	0175	Nguyễn Thị Lành	08/06/1997	Nữ	MN Quang Châu	Phường Nénh	Cao đẳng	Khá	7,55	
8	0176	Ngô Thị Lập	06/12/1993	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Đại học	Khá	2,62	
9	0177	Dương Thị Len	02/9/1986	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Giỏi	3,55	
10	0178	Trần Thị Lệ	03/09/1988	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,71	
11	0179	Đỗ Thị Lịch	18/05/1995	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Cao đẳng	Khá	3,11	
12	0180	Hoàng Thị Kim Liên	07/10/1996	Nữ	Trường MN Tân Hoa	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	3,14	
13	0181	Hà Thị Liên	15/03/1993	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Đại học	Khá	3,08	
14	0182	Dương Thị Liên	02/01/1992	Nữ	MN Lương Phong số 2	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Xuất sắc	3,62	
15	0183	Dương Thùy Liên	26/03/1996	Nữ	MN Tân Tiến	Tân Tiến	Đại học	Khá	3,01	
16	0184	Dương Thị Liên	25/08/1995	Nữ	MN Cao Xá	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	8,04	
17	0185	Đàm Thị Liệu	18/9/1996	Nữ	MN Ninh Sơn	Vân Hà	Cao đẳng	Khá	2,93	
18	0186	Nguyễn Thị Hồng Linh	29/12/1995	Nữ	Mn Kiên Lao số 2	Kiên Lao	Cao đẳng	Giỏi	3,23	
19	0187	Tổng Thùy Linh	04/06/1996	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bảo Đài	Đại học	Khá	3,09	
20	0188	Trần Nhật Linh	18/08/1995	Nữ	MN Lam Cốt	Quang Trung	Đại học	Khá	2,89	
21	0189	Phạm Thị Linh	08/08/1992	Nữ	MN Đông Lỗ số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	2,94	
22	0190	Nguyễn Thùy Linh	11/08/1997	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cẩm	Cao đẳng	Khá	2,71	
23	0191	Đình Thị Hoài Linh	30/04/1984	Nữ	Trường Mầm non Hoa Sen	P. Bắc Giang	Đại học	TBK	6,66	
24	0192	Nguyễn Thị Loan	20/5/1993	Nữ	MN Đan Hội	Cầm Lý	Đại học	Khá	3,09	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0193	Thân Thị Loan	16/06/1988	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,38	
2	0194	Nguyễn Thị Loan	06/05/1985	Nữ	MN Xuân Hương	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,64	
3	0195	Nguyễn Thị Loan	21/01/1974	Nữ	MN Hoàng Vân	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	7,62	
4	0196	Chu Thị Long	15/08/1987	Nữ	MN Tự Lạn	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	2,80	
5	0197	Đỗ Thị Lộc	29/08/1987	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,97	
6	0198	Lê Thị Lới	07/02/1987	Nữ	Mầm non Tiến Dũng	Phường Cảnh Thụy	Cao đẳng	Khá	2,72	
7	0199	Hoàng Thị Lợi	26/02/1991	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Khá	3,18	
8	0200	Trần Thị Lụa	04/10/1994	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,54	
9	0201	Lê Thị Luyến	15/07/1984	Nữ	MN Hoàng An	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Giỏi	3,54	
10	0202	Lê Thị Luyến	15/01/1987	Nữ	Mầm non Tiến Dũng	Phường Cảnh Thụy	Đại học	Khá	3,04	
11	0203	Trương Thị Lương	10/7/1985	Nữ	Trường MN Đèo Gia số 1	Xã Đèo Gia	Đại học	TB	5,83	
12	0204	Nguyễn Thị Lương	16/02/1997	Nữ	Trường MN Tân An số 1	P. Tân An	Cao đẳng	Giỏi	3,39	
13	0205	Nguyễn Thị Lượng	01/02/1985	Nữ	MN Hoàng Thanh	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	2,97	
14	0206	Đỗ Thị Khánh Ly	17/06/1991	Nữ	Trường MN Tiên Nha	Lục Nam	Cao đẳng	Giỏi	3,23	
15	0207	Hoàng Thị Ly	14/08/1995	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Cao đẳng	Giỏi	8,02	
16	0208	Nguyễn Thị Hương Lý	25/07/1982	Nữ	MN Cẩm Lý	Cẩm Lý	Đại học	Giỏi	3,37	
17	0209	Nguyễn Thị Lý	17/11/1990	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 2	Tiên Lục	Đại học	Khá	2,86	
18	0210	Tăng Thị Lý	12/02/1988	Nữ	MN Tân Tiến	Tân Tiến	Cao đẳng	Khá	7,73	
19	0211	Nguyễn Thị Mai	02/04/1997	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 1	Trường Sơn	Cao đẳng	Khá	3,13	
20	0212	Nguyễn Thị Mai	19/8/1989	Nữ	MN Đan Hội	Cẩm Lý	Cao đẳng	Giỏi	3,46	
21	0213	Nguyễn Thị Mai	20/10/1992	Nữ	Trường MN Chu Điện	Lục Nam	Đại học	Khá	3,10	
22	0214	Nguyễn Thị Mai	10/07/1984	Nữ	Trường MN Tiên Nha	Lục Nam	Đại học	Khá	3,19	
23	0215	Đào Thị Mai	19/12/1989	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Giỏi	8,60	
24	0216	Nguyễn Thị Mai	27/06/1994	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,50	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0217	Nguyễn Thị Mai	24/11/1992	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,62	
2	0218	Ngô Thị Mai	10/02/1992	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3,26	
3	0219	Trần Thị Mai	05/12/1998	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tụ Lạn	Đại học	Giỏi	3,23	
4	0220	Trần Thị Tuyết Mai	31/10/1989	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,57	
5	0221	Lê Thị Hồng Mai	17/02/1989	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	2,77	
6	0222	Dương Thị Mai	24/12/1996	Nữ	Trường Mầm non Mỹ Độ	Đa Mai	Cao đẳng	Khá	3,14	
7	0223	Hoàng Thị Ngọc Mai	21/12/1988	Nữ	Trường MN Đồng Vương	Đồng Kỳ	Cao đẳng	Khá	7,43	
8	0224	Ngô Thị Miên	29/01/1993	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3,23	
9	0225	Lý Thị Minh	11/06/1989	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,85	
10	0226	Nguyễn Thị Minh	20/08/1990	Nữ	MN Lương Phong số 2	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	7,92	
11	0227	Nguyễn Thị Mơ	19/01/1993	Nữ	Trường MN Chu Điện	Lục Nam	Đại học	Khá	7,85	
12	0228	Trần Thị Mơ	21/05/1988	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Đại học	Khá	2,88	
13	0229	Thân Thị Mơ	02/08/1995	Nữ	MN Hương Mai	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	3,10	
14	0230	Nguyễn Thị Mơ	04/11/1991	Nữ	MN Hoàng Ninh	Phường Nénh	Cao đẳng	Giỏi	3,33	
15	0231	Vũ Thị Mùi	07/12/1991	Nữ	MN Long Sơn	Dương Hưu	Đại học	Khá	7,61	
16	0232	Sứ A Mùi	20/06/1992	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Khá	7,05	
17	0233	Dương Thị Mùi	10/02/1991	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Khá	7,38	
18	0234	Đoàn Trà My	02/09/1991	Nữ	MN Tân Yên	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	3,43	
19	0235	Nguyễn Thị Thanh Nga	03/07/1992	Nữ	Trường mầm non Đồng Cốc	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	7,37	
20	0236	Nguyễn Thị Nga	12/04/1993	Nữ	MN Ngọc Vân	Ngọc Thiện	Đại học	Khá	2,84	
21	0237	Nguyễn Thị Nga	03/08/1995	Nữ	MN Hoàng Lương	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	3,15	
22	0238	Hoàng Thị Nga	03/06/1996	Nữ	MN Vân Trung	Phường Nénh	Đại học	Giỏi	3,27	
23	0239	Tăng Thị Thanh Nga	20/05/1995	Nữ	Trường MN Đồng Kỳ	Đồng Kỳ	Cao đẳng	Khá	7,32	
24	0240	Nguyễn Thị Nga	13/11/1992	Nữ	MN Tụ Lạn	P. Tụ Lạn	Đại học	Khá	3,16	

**DANH SÁCH SỔ BÁO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0241	Hoàng Thị Thúy Nga	12/04/1981	Nữ	Trường MN Đồng Phúc	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	7,96	
2	0242	Hoàng Thị Ngát	17/8/1997	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Khá	3,16	
3	0243	Nguyễn Thị Ngân	16/10/1986	Nữ	MN Hương Gián	Tân Tiến	Đại học	TBK	6,49	
4	0244	Phạm Thị Ngoan	07/07/1994	Nữ	Trường MN Võ Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,28	
5	0245	Trịnh Thị Ngoan	30/05/1994	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,23	
6	0246	Nguyễn Thị Minh Ngọc	17/01/1994	Nữ	MN Đan Hội	Cầm Lý	Đại học	Khá	3,11	
7	0247	Hoàng Bảo Ngọc	10/07/1995	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,80	
8	0248	Nguyễn Thị Ngọc	08/03/1996	Nữ	MN Tân Dĩnh	Tân Dĩnh	Đại học	Khá	3,00	
9	0249	Nguyễn Thị Ngọc	17/10/1991	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Đại học	TBK	6,48	
10	0250	Nguyễn Hồng Ngọc	09/4/1997	Nữ	MN Hợp Thịnh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Giỏi	3,32	
11	0251	Nguyễn Thị Bích Ngọc	18/07/1995	Nữ	MN Hoàng Thanh	xã Hoàng Văn	Đại học	Giỏi	3,22	
12	0252	Đông Thị Ngọc	01/01/1993	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cầm	Cao đẳng	Khá	2,67	
13	0253	Nguyễn Thị Ngọc	17/10/1991	Nữ	Trường Mầm non Dĩnh Kế	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	7,70	
14	0254	Nguyễn Thị Ngọc	14/09/1986	Nữ	Trường MN Quỳnh Sơn	P. Tân An	Đại học	Khá	2,88	
15	0255	Đỗ Thị Nguyệt	08/04/1991	Nữ	Trường MN Đèo Gia số 1	Xã Đèo Gia	Cao đẳng	Khá	7,34	
16	0256	Dương Thị Nguyệt	01/10/1992	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Giỏi	3,28	
17	0257	Nguyễn Thị Nguyệt	12/08/1982	Nữ	MN Mai Đình	Xuân Cầm	Cao đẳng	Giỏi	3,29	
18	0258	Mai Thị Thanh Nhã	30/01/1995	Nữ	MN Tiên Lục số 5	Tiên Lục	Đại học	Khá	2,77	
19	0259	Trần Thị Nhài	11/5/1997	Nữ	MN Quảng Minh	Vân Hà	Đại học	Giỏi	3,43	
20	0260	Đoàn Thị Nhân	28/02/1994	Nữ	Trường MN Đông Phú	Đông Phú	Đại học	TBK	6,85	
21	0261	Nguyễn Thị Nhân	16/08/1987	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3,55	
22	0262	Đông Thị Thanh Nhân	17/05/1984	Nữ	MN Việt Lập	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	3,28	
23	0263	Hoàng Thị Tuyết Nhi	22/08/1995	Nữ	Trường MN Giáp Sơn	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	7,81	
24	0264	Phạm Thị Nhung	26/07/1989	Nữ	Trường MN Tiên Hưng	Lục Nam	Đại học	Khá	2,82	

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH
TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC

PHÒNG SỐ: 12

DANH SÁCH SỐ BẢO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0265	Giáp Thị Nhung	21/11/1990	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,09	
2	0266	Đồng Thị Nhung	08/09/1995	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	TB	2,43	
3	0267	Hoàng Thị Nhung	26/03/1982	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	TB	5,98	
4	0268	Nguyễn Thị Kim Nhung	23/8/1994	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Khá	7,02	
5	0269	Đặng Thị Nhung	19/09/1992	Nữ	MN Quang Thịnh	Xã Kép	Đại học	TB	2,09	
6	0270	Bùi Thị Nhung	09/08/1995	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 4	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3,28	
7	0271	Nguyễn Thị Nhung	23-03-1994	Nữ	Trường MN Ngọc Châu	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3,40	
8	0272	Ngô Thị Nhung	13/03/1995	Nữ	MN Đông Lễ số 1	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,90	
9	0273	Nguy Thị Nhung	12/10/1992	Nữ	Trường MN Đông Việt	Xã Đông Việt	Cao đẳng	Khá	7,29	
10	0274	Thân Thị Nhung	26/12/1990	Nữ	Trường Mầm non Ngô Quyền	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	2,70	
11	0275	Nguyễn Thị Như	29/12/1994	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bảo Đài	Cao đẳng	Giỏi	3,28	
12	0276	Vũ Kiều Oanh	06/08/1996	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Khá	3,16	
13	0277	Nguyễn Thị Oanh	07/09/1981	Nữ	Trường MN Tiên Hưng	Lục Nam	Đại học	TBK	6,60	
14	0278	Nguyễn Thị Oanh	26/10/1993	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Khá	3,17	
15	0279	Dương Thị Kim Oanh	01/01/1989	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2,74	
16	0280	Hà Kiều Oanh	02/01/1996	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Khá	3,06	
17	0281	Nguyễn Thị Oanh	05/04/1988	Nữ	MN Xuân Hương	Mỹ Thái	Đại học	Giỏi	3,33	
18	0282	Trương Thị Kim Oanh	20/08/1989	Nữ	MN Hoàng Vân	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	2,77	
19	0283	Nguyễn Thị Oanh	05/07/1996	Nữ	MN Tự Lạn	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Giỏi	3,57	
20	0284	Đào Thị Oanh	03/11/1984	Nữ	MN Bồ Hạ	Bồ Hạ	Cao đẳng	Khá	7,44	
21	0285	Vương Thị Phương	09/10/1990	Nữ	MN Long Sơn	Dương Hưu	Đại học	Khá	7,63	
22	0286	Vũ Hải Phương	29/04/1996	Nữ	Trường Mầm non Trù Hựu	Phường Chủ	Đại học	Giỏi	8,14	
23	0287	Ngô Thị Phương	21/06/1995	Nữ	Trường Mầm non Trù Hựu	Phường Chủ	Đại học	Giỏi	3,5	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0288	Nguyễn Thị Phương	04/09/1990	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,44	
2	0289	Nguyễn Thị Phương	24/12/1993	Nữ	MN Thượng Lan	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	2,93	
3	0290	Nguyễn Thị Phương	07/02/1993	Nữ	Trường Mầm non Đinh Kế	P. Bắc Giang	Đại học	TB	2,13	
4	0291	Nguyễn Thị Phương	28/03/1991	Nữ	Trường MN Quỳnh Sơn	P. Tân An	Đại học	Khá	7,48	
5	0292	Dương Thị Phương	08/10/1988	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	7,26	
6	0293	Hà Thị Phương	22/10/1996	Nữ	Trường MN Ngọc Thiện số 2	Ngọc Thiện	Cao đẳng	Giỏi	3,23	
7	0294	Bồ Thị Phương	26/04/1994	Nữ	Trường MN Tiến Thắng	Tam Tiến	Đại học	Khá	7,45	
8	0295	Đào Minh Quy	29/7/1991	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Đại học	Khá	7,53	
9	0296	Vì Thị Quyên	18/05/1989	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phương Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,22	
10	0297	Vũ Thị Quyên	09/10/1993	Nữ	MN Hương Sơn	Xã Kép	Đại học	Khá	3,07	
11	0298	Hoàng Thị Quyên	18/02/1986	Nữ	MN Đại Lâm	Tân Dĩnh	Cao đẳng	Giỏi	3,23	
12	0299	Nguyễn Thị Quyên	16/09/1990	Nữ	MN Lam Cốt	Quang Trung	Cao đẳng	Khá	7,49	
13	0300	Nguyễn Thị Quyên	18/01/1992	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,11	
14	0301	Vũ Thị Quyên	14/03/1984	Nữ	Trường MN Quỳnh Sơn	P. Tân An	Đại học	Khá	2,80	
15	0302	Mai Thị Quỳnh	05/04/1991	Nữ	Trường Mầm non Nhã Nam	Nhã Nam	Đại học	Giỏi	3,50	
16	0303	Nguyễn Thúy Quỳnh	25/10/1997	Nữ	MN Đông Lỗ số 3	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Giỏi	3,21	
17	0304	Nguyễn Thị Sinh	24/05/1993	Nữ	MN Thượng Lan	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	2,88	
18	0305	Lê Thị Sinh	13/06/1993	Nữ	Mầm non Tiến Dũng	Phường Cảnh Thụy	Đại học	TB	2,42	
19	0306	La Thảo Tâm	04/08/1991	Nữ	MN Mai Trung số 2	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	2,71	
20	0307	Nguyễn Thị Tần	08/09/1987	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,97	
21	0308	Nguyễn Thị Thủy Tiên	17/02/1995	Nữ	Trường mầm non Nghĩa Phương	Nghĩa Phương	Đại học	Xuất sắc	3,68	
22	0309	Nguyễn Thị Tiên	28/01/1984	Nữ	MN Châu Minh	Xuân Cẩm	Đại học	Khá	2,85	
23	0310	Nguyễn Thị Cẩm Tú	06/05/1997	Nữ	MN Biên Sơn	Biên Sơn	Đại học	Khá	3,12	

DANH SÁCH SƠ BẢO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0311	Đỗ Thị Minh Tuyền	12/12/1997	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,19	
2	0312	Nguyễn Thị Tuyền	02/06/1986	Nữ	MN Hoàng Lương	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	3,08	
3	0313	Đào Thị Tuyền	23/05/1990	Nữ	Trường MN An Thượng	Tam Tiến	Đại học	Khá	2,65	
4	0314	Nguyễn Thị Tuyết	14/02/1989	Nữ	Trường Mầm non Trù Hựu	Phường Chũ	Cao đẳng	Khá	7,60	
5	0315	Trịnh Thị Kim Tuyết	18/01/1993	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,03	
6	0316	Lê Thị Út Tư	02/01/1984	Nữ	MN Hoàng An	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	7,78	
7	0317	Trần Thị Tư	27/07/1994	Nữ	MN Cao Thượng	Tân Yên	Đại học	Xuất sắc	3,77	
8	0318	Nguyễn Thị Thái	30/03/1992	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	2,82	
9	0319	Hoàng Thị Thanh	10/05/1995	Nữ	Trường Mầm non Tân Quang	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	2,99	
10	0320	Đỗ Thị Thanh	09/01/1990	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3,35	
11	0321	Hà Thị Thanh	31/05/1994	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3,38	
12	0322	Vi Thị Thanh	10/01/1993	Nữ	Trường MN Liên Chung	Phúc Hoà	Cao đẳng	Giỏi	8,45	
13	0323	Nguyễn Thị Thanh	12/11/1990	Nữ	Trường MN Liên Chung	Phúc Hoà	Đại học	Giỏi	3,25	
14	0324	Hoàng Thị Trang Thành	18/06/1989	Nữ	MN Hoàng Ninh	Phường Nénh	Đại học	Khá	7,99	
15	0325	Trần Thị Thành	15/09/1981	Nữ	Trường Mầm non Mỹ Độ	Đa Mai	Cao đẳng	Khá	7,26	
16	0326	Nguyễn Thị Thảo	28/08/1994	Nữ	MN Vũ Xá	Cầm Lý	Cao đẳng	Khá	3,18	
17	0327	Nguyễn Thị Thảo	01/09/1985	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,37	
18	0328	Bùi Thị Thảo	29/05/1995	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,55	
19	0329	Ngô Thu Thảo	10/08/1994	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Cao đẳng	Xuất sắc	3,68	
20	0330	Nguyễn Thị Thảo	05/7/1992	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Đại học	Khá	2,73	
21	0331	Đào Thị phương Thảo	12/08/1996	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,92	
22	0332	Hà Thị Thảo	16/11/1993	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Giỏi	3,33	
23	0333	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/09/1997	Nữ	MN Hoàng Thanh	xã Hoàng Vân	Đại học	Giỏi	3,25	

**DANH SÁCH SƠ BẢO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0334	Đoàn Thị Thắm	10/02/1990	Nữ	Trường MN Đông Phú	Đông Phú	Cao đẳng	Giỏi	3,23	
2	0335	Phạm Thị Thắm	28/01/1997	Nữ	Trường MN Hồng Thái	Phường Việt Yên	Cao đẳng	Khá	2,98	
3	0336	Trần Thị Thắng	16/03/1991	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,38	
4	0337	Hoàng Thị Thắng	04/12/1990	Nữ	MN Quang Minh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Giỏi	3,22	
5	0338	Nguyễn Thị Thắm	08/01/1992	Nữ	Trường mầm non Lục Sơn	Lục Sơn	Đại học	Giỏi	3,25	
6	0339	Chu Thị Thêm	14/03/1992	Nữ	Trường MN Giáo Liêm	Xã Đại Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3,33	
7	0340	Hà Thị Thiêm	09/10/1987	Nữ	MN Lương Phong số 1	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Giỏi	3,26	
8	0341	Ngô Thị Thịnh	17/05/1984	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	2,87	
9	0342	Đình Thị Thoa	13/06/1996	Nữ	Trường Mầm non Tân Quang	Xã Lục Ngạn	Cao đẳng	Khá	3,11	
10	0343	Vũ Thị Hồng Thoan	03/09/1989	Nữ	MN Quang Châu	Phường Nénh	Đại học	TBK	6,51	
11	0344	Nguyễn Thị Thoi	10/08/1996	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Đại học	Khá	2,85	
12	0345	Lê Thị Thoi	02/11/1989	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	7,78	
13	0346	Nguyễn Thị Thom	19/11/1996	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,42	
14	0347	Lưu Thị Thu	13/11/1987	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phụng sơn	Đại học	Giỏi	3,28	
15	0348	Ngô Thị Thu	25/08/1991	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bào Đài	Cao đẳng	Giỏi	3,22	
16	0349	Nguyễn Thị Lệ Thu	23/01/1991	Nữ	MN Hương Sơn	Xã Kép	Đại học	Khá	2,67	
17	0350	Nguyễn Thị Thu	24/8/1991	Nữ	MN Quang Minh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Khá	7,99	
18	0351	Hoàng Thị Thu	29/01/1995	Nữ	MN Tăng Tiến	Phường Nénh	Đại học	Giỏi	3,20	
19	0352	Nguyễn Thị Thu	16/07/1993	Nữ	MN Hoàng Hoa Thám	xã Yên Thế	Đại học	Giỏi	3,38	
20	0353	Vũ Thị Thu	02/8/1990	Nữ	MN Bồ Hạ	Bồ Hạ	Cao đẳng	Giỏi	3,36	
21	0354	Đặng Thị Minh Thu	29/04/1976	Nữ	Trường MN Đồng Kỳ	Đồng Kỳ	Cao đẳng	Khá	3,07	
22	0355	Giáp Thị Thuận	18/04/1992	Nữ	Trường MN Tân Hoa	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	2,56	
23	0356	Ngô Thị Thuý	29/10/1996	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	3,08	

**DANH SÁCH SỐ BẢO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0357	Nguyễn Thị Thuý	13/03/1991	Nữ	Trường MN Chu Điện	Lục Nam	Đại học	Khá	2,80	
2	0358	Nguyễn Thị Thuý	10/03/1995	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tụ Lạn	Đại học	Khá	3,04	
3	0359	Nguyễn Thị Thuý	08/07/1989	Nữ	Trường MN Yên Lư	Yên Dũng	Đại học	Khá	2,80	
4	0360	Lê Thị Hồng Thuý	02/02/1995	Nữ	MN Quang Thịnh	Xã Kép	Đại học	Giỏi	3,23	
5	0361	Nguyễn Thị Thuý	16/03/1996	Nữ	MN Nội Hoàng	Phường Tiền Phong	Đại học	Khá	3,33	
6	0362	Triệu Thị Thuý	21/06/1996	Nữ	MN Mai Trung số 2	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	3,06	
7	0363	Trần Thị Thuý	19/02/1996	Nữ	Trường Mầm Non Nam Dương số 1	Nam Dương	Cao đẳng	Khá	3,02	
8	0364	Ngô Thị Thanh Thuý	13/10/1996	Nữ	MN Phương sơn số 3	Phường Phương Sơn	Cao đẳng	Khá	2,98	
9	0365	Tạ Thị Thuý	03/10/1991	Nữ	MN Hoàng An	xã Hoàng Vân	Đại học	Khá	3,18	
10	0366	Nguyễn Thị Thuý	22/01/1991	Nữ	MN Xuân Cẩm	Xã Xuân Cẩm	Cao đẳng	Khá	7,28	
11	0367	Trần Thị Thu Thuý	17/08/1995	Nữ	MN Tăng Tiến	Phường Nénh	Cao đẳng	Khá	3,19	
12	0368	Nguyễn Thị Thuý	05/10/1988	Nữ	Trường MN Giáp Sơn	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	3,14	
13	0369	Hoàng Thị Thuý	08/02/1994	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,79	
14	0370	Tạ Thị Hiền Thu	01/07/1990	Nữ	MN Tân Hiệp	xã Yên Thế	Đại học	Khá	2,61	
15	0371	Dương Thị Thương	02/01/1990	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7,50	
16	0372	Giáp Dạ Thương	15/06/1995	Nữ	MN Hoàng Ninh	Phường Nénh	Đại học	Giỏi	3,23	
17	0373	Đào Thị Thu Trang	13/7/1993	Nữ	MN Dương Hưu	Dương Hưu	Đại học	Khá	7,76	
18	0374	Nguyễn Thị Trang	14/10/1990	Nữ	Trường MN Đông Phú	Đông Phú	Cao đẳng	Khá	2,86	
19	0375	Nguyễn Thị Trang	22/02/1987	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bảo Đài	Cao đẳng	Xuất sắc	3,70	
20	0376	Bùi Thị Kiều Trang	14/08/1993	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	8,13	
21	0377	Vũ Thị Kiều Trang	24/07/1994	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3,36	
22	0378	Nguyễn Thị Trang	02/08/1991	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,72	
23	0379	Vũ Thị Hà Trang	18/9/1997	Nữ	MN Xuân Hương	Mỹ Thái	Đại học	Giỏi	3,42	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0380	Bùi Thị Trang	20/12/1994	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 4	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3,31	
2	0381	Hoàng Thị Trang	26/10/1995	Nữ	MN Tiên Lục Số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	7,50	
3	0382	Dương Thị Trang	17/10/1990	Nữ	Trường MN Việt Ngọc	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3,47	
4	0383	Đàm Thị Vân	06/10/1992	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Đại học	Giỏi	3,20	
5	0384	Nguyễn Thị Huyền	08/12/1994	Nữ	MN Hương Mai	P. Tụ Lạn	Đại học	khá	7,72	
6	0385	Đặng Thị Trang	25/03/1993	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tụ Lạn	Cao đẳng	Khá	3,05	
7	0386	Nguyễn Thị Minh Trang	03/02/1998	Nữ	Trường MN Hồng Thái	Phường Việt Yên	Đại học	Khá	2,68	
8	0387	Vi Lệ Trang	24/02/1984	Nữ	MN Vân Hà	Vân Hà	Đại học	Khá	3,04	
9	0388	Dương Thu Trang	18/10/1992	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Đại học	Giỏi	3,39	
10	0389	Nguyễn Thị Huyền	15/10/1995	Nữ	Trường Mầm non Quế Nham	Đa Mai	Cao đẳng	Giỏi	7,70	
11	0390	Chu Thuỳ Trinh	13/10/1995	Nữ	MN thị trấn Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,94	
12	0391	Nguyễn Thị Tròn	12/02/1974	Nữ	MN Hương Gián	Tân Tiến	Cao đẳng	Khá	7,38	
13	0392	Nguyễn Thị Uyên	18/12/1995	Nữ	Mn Kiên Lao số 2	Kiên Lao	Đại học	Khá	2,97	
14	0393	Nguyễn Thị Vân	10/12/1995	Nữ	MN Biên Sơn	Biên Sơn	Đại học	Khá	3,01	
15	0394	Hoàng Thị Vân	03/02/1993	Nữ	Trường MN số 2	Phường Phương sơn	Cao đẳng	Khá	2,92	
16	0395	Phạm Thị Vân	08/02/1983	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6,72	
17	0396	Tô Thị Hồng Vân	20/11/1994	Nữ	MN thị trấn Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,14	
18	0397	Đỗ Thị Vân	06/10/1995	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cẩm	Cao đẳng	Khá	2,90	
19	0398	Hồ Thị Vân	10/07/1996	Nữ	MN Quang Châu	Phường Nénh	Đại học	giỏi	3,31	
20	0399	Nguyễn Thị Vân	20/02/1994	Nữ	MN Quảng Minh	Vân Hà	Cao đẳng	Giỏi	3,35	
21	0400	Hà Thị Ven	15/09/1989	Nữ	MN Đức Thắng	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	7,34	
22	0401	Vũ Thị Vi	06/08/1989	Nữ	Mầm non Hương Lạc số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	7,69	
23	0402	Vi Thị Viêt	25/01/1994	Nữ	Trường mầm non Kim Sơn	Biển Động	Đại học	TBK	6,53	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIỆN CHỨC
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	0403	Đỗ Thị Vinh	29-08-1994	Nữ	Trường MN Ngọc Châu	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3,35	
2	0404	Nguyễn Thị Vui	09/03/1990	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2,73	
3	0405	Vũ Thị Mai Vy	07/01/1997	Nữ	Trường mầm non Sao Mai	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	3,08	
4	0406	Trương Thị Xuân	29/9/1992	Nữ	MN Nam Dương số 2	Nam Dương	Cao đẳng	Giỏi	3,24	
5	0407	Dương Thị Xuân	10/06/1995	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Khá	3,05	
6	0408	Đào Thị Xuân	22/11/1990	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3,24	
7	0409	Ninh Thị Xuân	14/12/1986	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 3	Tiên Lục	Cao đẳng	TBK	6,90	
8	0410	Tạ Thị Xuân	21/7/1995	Nữ	MN Hợp Thịnh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Khá	3,09	
9	0411	Nguyễn Thanh Xuân	23/08/1995	Nữ	MN Danh Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,86	
10	0412	Nguyễn Thị Xuyên	04/01/1995	Nữ	Trường MN Chũ số 2	Phường Chũ	Cao đẳng	Giỏi	8,00	
11	0413	Hoàng Thị Yên	07/08/1985	Nữ	Mầm non Biển Động	Biển Động	Đại học	Khá	2,99	
12	0414	Trần Thị Yên	15/11/1990	Nữ	Mầm non Biển Động	Biển Động	Đại học	TBK	6,15	
13	0415	Ngô Thị Hải Yên	28/01/1995	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	TBK	6,56	
14	0416	Nguyễn Thị Yên	20/11/1994	Nữ	Trường MN Song Vân	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3,28	
15	0417	Nguyễn Thị Yên	22/10/1995	Nữ	MN thị trấn Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,69	
16	0418	Nguyễn Thị Yên	04/02/1992	Nữ	MN Đoàn Bái số 1	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2,82	
17	0419	Lý Thị Yên	04/04/1994	Nữ	MN Đoàn Bái số 2	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	3,13	
18	0420	Nguyễn Thị Yên	10/05/1997	Nữ	MN Thượng Lan	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	2,92	
19	0421	Trần Thị Hải Yên	25/11/1994	Nữ	Trường MN Bích Sơn	Phường Việt Yên	Đại học	Khá	7,43	
20	0422	Nguyễn Thị Hải Yên	21/07/1995	Nữ	Trường Mầm non Lê Lợi	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	3,02	
21	0423	Giáp Thị Yên	07/02/1994	Nữ	Trường Mầm non Quế Nham	Đa Mai	Cao đẳng	Giỏi	3,24	
22	0424	Nguyễn Thị Yên	26/7/1996	Nữ	MN Tân Yên	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	3,25	
23	0425	Nguyễn Thị Hải Yên	07/01/1989	Nữ	Trường MN An Thượng	Tam Tiến	Đại học	Giỏi	3,21	

**HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH
TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC****HIỆU LỆNH TRỎNG**

**Kỳ sát hạch tiếp nhận vào làm viên chức ngày 11/01/2026
(đối với giáo viên mầm non hợp đồng theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)**

TT	Hiệu lệnh cho các công việc	Hiệu lệnh trống	Thời gian đánh trống
BUỔI SÁNG			
1	Trống tập trung thí sinh trước cửa phòng sát hạch	1 hồi dài	07 giờ 30 phút
2	Trống gọi thí sinh vào phòng sát hạch	9 tiếng	07 giờ 35 phút
3	Trống mở túi đề và phát đề cho thí sinh	6 tiếng	08 giờ 10 phút
4	Trống bắt đầu tính giờ làm bài	3 tiếng	08 giờ 15 phút
5	Trống báo trước khi hết giờ làm bài 05 phút	1 tiếng	09 giờ 40 phút
6	Trống hết giờ làm bài và thu bài	1 hồi 6 tiếng	09 giờ 45 phút

SƠ ĐỒ PHÒNG SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC NĂM 2025

Địa điểm: - Trường THPT Chuyên Bắc Giang

* Thí sinh lưu ý đi vào địa điểm sát hạch qua Cổng đường Đào Sư Tích

Đường
Đào
Sư
Tích

CÔNG
VÀO

TÒA NHÀ TRUNG TÂM							
WC						Phòng P. Trưởng điểm	TẦNG 4
Cầu thang						Cầu thang	
WC						Phòng P. Trưởng điểm Đề đề/bài	TẦNG 3
Cầu thang						Cầu thang	
WC	Thư viện sách	Phòng CN3	Phòng CN2	Phòng CN1	Đội tuyển tin	Phòng T.Tra	Phòng Thư ký
Cầu thang				Cầu thang			
HỘI TRƯỞNG				PHÒNG HỘI THẢO (PHÒNG ĐIỀU HÀNH)			
WC	Thực hành VẬT LÝ	Thực hành SINH HỌC	Thực hành HÓA HỌC	PHÒNG Y TẾ		Phòng giáo vụ	
Cầu thang				Cầu thang			
Văn phòng	Phòng kế toán VP Đảng ủy		Phòng Công nghệ VP Đoàn TN				TẦNG 1
Phòng Trưởng điểm	Phòng khách						

NHÀ B
(Khu vực
phòng sát
hạch)

B3.1 PHÒNG 13	B3.2 PHÒNG 14	Cầu thang	WC	B3.3 PHÒNG 15	B3.4 PHÒNG 16	Cầu thang	B3.6 PHÒNG 17	B3.7 PHÒNG 18
B2.1 PHÒNG 12	B2.2 PHÒNG 11		WC	B2.3 PHÒNG 10	B2.4 PHÒNG 9		B2.6 PHÒNG 8	B2.7 PHÒNG 7
B1.1 PHÒNG 1	B1.2 PHÒNG 2		WC	B1.3 PHÒNG 3	B1.4 PHÒNG 4		B1.6 PHÒNG 5	B1.7 PHÒNG 6

NHÀ A

		Cầu thang	WC			Cầu thang		PTN
			WC					PTN
			WC					PTN

CÔNG
CHÍNH

Đường Hoàng Văn Thụ

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 01 năm 2026

NỘI QUY
Phòng sát hạch tiếp nhận vào làm viên chức năm 2025

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức; Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm viên chức năm 2025. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm viên chức (đối với giáo viên mầm non hợp đồng theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh) năm 2025 ban hành Nội quy phòng sát hạch tiếp nhận vào làm viên chức năm 2025 (sau đây gọi là phòng sát hạch), như sau:

I. Quy định đối với thí sinh

1. Phải có mặt tại phòng sát hạch đúng giờ quy định. Thí sinh dự sát hạch đến muộn sau thời điểm bắt đầu tính giờ làm bài sát hạch được dự sát hạch trong các trường hợp sau:

a) Không quá 10 phút;

b) Xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của pháp luật làm cho thí sinh không thể có mặt đúng giờ hoặc trong thời gian quy định tại điểm a khoản này. Trưởng ban coi sát hạch báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định việc thí sinh được dự sát hạch đối với các trường hợp cụ thể.

2. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự.

3. Xuất trình Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh và thông tin cá nhân.

4. Ngồi đúng vị trí theo số báo danh hoặc theo vị trí do Hội đồng sát hạch quy định.

5. Chỉ được mang vào phòng sát hạch: bút viết để làm bài sát hạch; nước uống đựng trong bình chứa trong suốt không gắn tem mác hay có bất kỳ ký hiệu, ký tự nào; một số loại thuốc mà thí sinh dự sát hạch có bệnh án phải mang theo.

Không được mang vào phòng sát hạch điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính; các phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin; phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác.

Các thí sinh phải tự bảo quản tài sản của mình nếu mang đến khu vực sát hạch.

6. Tuân thủ hướng dẫn của giám thị phòng sát hạch và Hội đồng kiểm tra, sát hạch; nếu có ý kiến hoặc thắc mắc phải hỏi công khai với giám thị phòng sát hạch; giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích, các loại thức ăn, đồ uống có cồn trong phòng sát hạch, khu vực sát hạch.

7. Không được trao đổi thông tin, giấy làm bài, giấy nháp với người khác trong thời gian sát hạch, không được nhìn bài làm của thí sinh khác hoặc có bất kỳ hành động gian lận nào khác. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến câu hỏi và đáp án ra ngoài phòng sát hạch hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng sát hạch.

8. Bài làm trên giấy chỉ được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen. Chỉ sử dụng loại giấy làm bài được phát để làm bài sát hạch; phải ghi đầy đủ các mục quy định đối với thí sinh trên giấy làm bài sát hạch. Trừ phần ghi bắt buộc trên trang phách, thí sinh không được đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng lên bài làm, không được ghi họ tên, chữ ký, chức danh, ký hiệu, ký tự hoặc các dấu hiệu khác lên bài làm.

9. Thí sinh không được ra ngoài phòng sát hạch trong thời gian làm bài sát hạch. Trường hợp cấp thiết phải ra khỏi phòng sát hạch vì lý do cá nhân phải được sự cho phép của giám thị phòng sát hạch.

10. Thí sinh dừng làm bài và nộp bài làm ngay khi giám thị tuyên bố hết thời gian làm bài sát hạch; ký danh sách nộp bài làm. Trường hợp không làm được bài, thí sinh cũng phải nộp lại giấy làm bài.

11. Thí sinh dự sát hạch chỉ được rời phòng sát hạch khi đã nộp bài và ký xác nhận vào danh sách nộp bài.

Trường hợp thí sinh dự sát hạch không ký xác nhận vào danh sách nộp bài trước khi ra khỏi phòng sát hạch thì điểm bài sát hạch được xác định là 0 (không) điểm. Trường hợp giám thị phát hiện thí sinh dự sát hạch ký thay thí sinh dự sát hạch khác thì điểm sát hạch của các thí sinh này được xác định là 0 (không) điểm. Các trường hợp này đều phải lập biên bản.

12. Thí sinh dự sát hạch có quyền báo với giám thị phòng sát hạch về hành vi vi phạm nội quy, quy chế của người dự sát hạch (nếu có).

II. Xử lý vi phạm

1. Các hình thức xử lý vi phạm đối với thí sinh vi phạm nội quy, quy chế sát hạch:

- a) Khiển trách.
- b) Cảnh cáo.
- c) Đình chỉ sát hạch.
- d) Hủy kết quả sát hạch.

2. Áp dụng hình thức khiển trách đối với thí sinh vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Không vào đúng vị trí quy định sau khi đã bị nhắc nhở lần đầu;
- b) Trao đổi với thí sinh khác và đã bị nhắc nhở lần đầu nhưng không chấp hành hoặc vẫn tái phạm.

3. Áp dụng hình thức cảnh cáo đối với thí sinh vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đã bị xử lý bằng hình thức khiển trách theo quy định tại khoản 2 phần II mà tái phạm;
- b) Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp với thí sinh khác;
- c) Cho thí sinh khác chép bài hoặc chép bài của thí sinh khác;
- d) Sử dụng tài liệu trái quy định; mang vào phòng sát hạch điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác (trừ trường hợp có quy định khác).

4. Áp dụng hình thức đình chỉ sát hạch đối với thí sinh vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đã bị xử lý bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại khoản 3 phần II mà tái phạm;
- b) Sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác trong thời gian làm bài;
- c) Gây mất an toàn, trật tự làm ảnh hưởng đến phòng sát hạch.

Thí sinh bị đình chỉ sát hạch sẽ bị hủy kết quả bài sát hạch.

5. Áp dụng hình thức hủy kết quả sát hạch đối với thí sinh vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Viết, vẽ những nội dung không liên quan đến nội dung của bài sát hạch vào tờ giấy làm bài của mình hoặc của thí sinh khác.
- b) Có một trong các hành vi: Đánh tráo bài làm, làm hộ bài của thí sinh khác, để thí sinh khác làm hộ bài sát hạch.
- c) Bị đình chỉ sát hạch theo quy định tại khoản 4 phần II.

6. Trình tự xử lý:

- a) Giám thị phòng sát hạch lập biên bản về hành vi vi phạm của thí sinh tại phòng sát hạch. Người lập biên bản và thí sinh vi phạm cùng phải ký vào biên bản. Biên bản được công bố công khai tại phòng sát hạch.

Trường hợp thí sinh vi phạm không ký biên bản vi phạm thì người lập biên bản mời hai thí sinh ngồi gần nhất thí sinh có hành vi vi phạm cùng ký xác

nhận sự việc. Trường hợp có một trong hai thí sinh hoặc cả hai thí sinh được mời ký xác nhận sự việc không ký biên bản thì vẫn lập biên bản và công bố công khai tại phòng sát hạch.

b) Đối với hình thức khiển trách, cảnh cáo:

Người lập biên bản công bố công khai tại phòng sát hạch; báo cáo Trưởng ban coi sát hạch để báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

c) Đối với hình thức đình chỉ sát hạch:

Người lập biên bản tiến hành lập biên bản tại phòng sát hạch, báo cáo ngay Trưởng ban coi sát hạch để kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định đình chỉ sát hạch ngay trong thời gian làm bài sát hạch đối với thí sinh vi phạm;

Đại diện Hội đồng hoặc Trưởng ban coi sát hạch công bố công khai tại phòng sát hạch.

d) Đối với hình thức hủy kết quả sát hạch:

Chủ tịch Hội đồng sát hạch báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng viên chức trước khi quyết định hủy bỏ kết quả sát hạch của thí sinh.

7. Các quy định liên quan đến xử lý thí sinh vi phạm:

a) Kết quả bài sát hạch:

Thí sinh bị khiển trách sẽ bị trừ 25% tổng số điểm đạt được của bài sát hạch.

Thí sinh bị cảnh cáo sẽ bị trừ 50% tổng số điểm đạt được của bài sát hạch.

Khi tổng hợp kết quả, căn cứ biên bản xử lý vi phạm do giám thị phòng sát hạch lập và báo cáo của Trưởng ban coi sát hạch, Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định việc trừ số điểm.

b) Trường hợp thí sinh gây mất an toàn, trật tự làm ảnh hưởng đến phòng sát hạch thì ngoài việc bị đình chỉ, hủy kết quả sát hạch, tùy theo tính chất, mức độ còn bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật hình sự.

III. Quy định đối với giám thị phòng sát hạch, giám thị hành lang

1. Phải có mặt tại địa điểm sát hạch đúng giờ quy định. Trang phục lịch sự.

2. Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo nội quy, quy chế của kỳ sát hạch.

3. Giữ trật tự, không được làm việc riêng; không hút thuốc; không sử dụng các loại đồ uống có cồn hoặc các chất kích thích; không sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát

truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác trong phòng sát hạch.

4. Không được trao đổi riêng với bất kỳ thí sinh nào trong thời gian sát hạch.

IV. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia tổ chức sát hạch và cá nhân liên quan khác vi phạm nội quy, quy chế

1. Người tham gia tổ chức kỳ tiếp nhận vào làm viên chức là cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm nội quy, quy chế ngoài việc bị đình chỉ làm công tác phục vụ kỳ sát hạch còn bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cán bộ, công chức, viên chức có các hành vi, như: Làm bài hộ; chuyển câu hỏi và đáp án ra ngoài; đưa lời giải vào cho thí sinh; đưa thông tin sai lệch gây ảnh hưởng xấu đến kỳ sát hạch; gây rối làm mất trật tự tại khu vực sát hạch thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

3. Người tham gia tổ chức kỳ sát hạch và những người có liên quan khác mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức nếu có hành vi vi phạm nội quy, quy chế thì tùy theo tính chất, mức độ, cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Người tham gia tổ chức kỳ sát hạch tiếp nhận vào làm viên chức và những người có liên quan khác vi phạm nội quy, quy chế thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý không bố trí đảm nhiệm những công việc có liên quan đến công tác tổ chức kỳ tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức theo quy định về xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ, hoạt động thanh tra và các quy định khác của Đảng, của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thành viên Hội đồng;
- Giám thị phòng sát hạch;
- Cổng thông tin điện tử SNV;
- Lưu: CCVC, TKHĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**GIAM ĐOC SỞ NỘI VỤ
Vũ Mạnh Hùng**